

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 04 tháng 01 năm 2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;

2. Bà Nguyễn Thị Vân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1056/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1098/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ A;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, CR3-05A, 109 Đường TDT, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

2.1/ Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1981;

Hoặc 2.2/ Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1981;

Cùng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/10/2021 của Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ A);

Cùng địa chỉ liên lạc: 113/14B Đường số 11, Khu phố E, Phường G, Thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Đình T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 25/10/1 Đường HT44, Tổ I, Khu phố K, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hoàng Văn T trình bày:

Ngày 22/4/2019 ông Lê Đình T1 làm Đơn xin làm Đại lý bảo hiểm với nguyện vọng mong muốn gia nhập vào Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ A (sau đây gọi tắt là Công ty).

Sau khi xem xét hồ sơ, thì ngày 13/8/2019 giữa Công ty với ông Lê Đình T1 đã ký: Hợp đồng đại lý bảo hiểm số: SG3/PHL/HĐĐL/60020833 và ông T1 trở thành Đại lý. Theo Hợp đồng đại lý bảo hiểm thì Công ty chi trả tiền hoa hồng căn cứ trên các sản phẩm bảo hiểm mà ông T1 bán được.

Cùng ngày 13/8/2019 thì giữa Công ty với ông Lê Đình T1 ký tiếp: Hợp đồng quản lý đại lý bảo hiểm số: SG3/PHL/HĐQL/60020833 và ông T1 trở thành Quản lý Đại lý Bảo hiểm. Theo Hợp đồng quản lý đại lý bảo hiểm thì Công ty chi trả thêm cho ông T1 một khoản tiền thưởng quản lý.

Cũng trong ngày 13/8/2019 thì giữa Công ty với ông Lê Đình T1 – Trưởng Khu vực kinh doanh (viết tắt là DM) ký tiếp: Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh (DM). Theo thỏa thuận này, ông T1 nhận được khoản hỗ trợ tài chính, nếu ông T1 đạt được tất cả các điều kiện trong tháng áp dụng. Bản chất của Thỏa thuận này là một khoản thưởng thêm có điều kiện của Công ty dành cho ông T1.

Trong khoảng thời gian, từ ngày 13/8/2019 đến ngày 26/6/2020 Công ty chi trả cho ông Lê Đình T1 tổng cộng 08 (tám) lần tiền. Trong đó: Tiền hoa hồng, tiền thưởng quản lý và khoản hỗ trợ tài chính. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 19/9/2019 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 18.097.830 đồng.

Lần 2: Ngày 03/10/2019 Công ty chuyển cho ông T1 tiền khoản hỗ trợ tài chính 70.000.000 đồng. Nhưng do có thỏa thuận với nhau về việc lập Quỹ bảo đảm ban đầu, nên Công ty trừ 500.000 đồng trong số tiền khoản hỗ trợ tài chính, nên ông T1 nhận 69.500.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/10/2019 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 22.097.941 đồng.

Lần 4: Ngày 06/11/2019 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 30.161.430 đồng; tiền khoản hỗ trợ tài chính 70.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 04/12/2019 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 17.864.227 đồng; tiền khoản hỗ trợ tài chính 60.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 19/12/2019 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 21.157.663 đồng.

Lần 7: Ngày 06/01/2020 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 4.424.311 đồng; tiền khoản hỗ trợ tài chính 60.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 21/01/2020 Công ty chuyển cho ông T1 tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 31.638.380 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 21/01/2020 Công ty chuyển cho ông T1 số tiền 404.941.782 đồng. Trong đó: Tiền hoa hồng, tiền thưởng quản lý 144.941.782 đồng; khoản hỗ trợ tài chính 260.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020 ông T1 không thực hiện bất kỳ hoạt động nào như đã thỏa thuận với Công ty. Chính vì vậy, ngày 26/6/2020 Công ty ban hành Thông báo số: 2401-2020/HĐĐL/TBĐC-PHL quyết định đình chỉ Hợp đồng đại lý, Hợp đồng Quản lý đại lý với ông T1. Do đó, ông T1 không thỏa điều kiện để nhận khoản hỗ trợ tài chính của Công ty, nên ông T1 có trách nhiệm hoàn trả lại khoản hỗ trợ tài chính 260.000.000 đồng. Tuy nhiên, tiền Quỹ bảo đảm ban đầu mà Công ty đang giữ của ông T1 4.000.000 đồng. Vì vậy, ông T1 hoàn trả lại khoản hỗ trợ tài chính cho Công ty $260.000.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} = 256.000.000$ (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng.

Đối với khoản tiền hoa hồng, tiền thưởng quản lý 144.941.782 Công ty không có yêu cầu ông T1 trả lại số tiền này. Vì đây là công sức lao động của ông T1. Công ty chỉ yêu cầu ông T1 hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng. Tuy nhiên, Công ty nhiều lần gửi văn bản yêu cầu ông T1 hoàn trả lại khoản hỗ trợ tài chính, nhưng ông T1 không có thiện chí. Buộc lòng, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Lê Đình T1 hoàn trả lại hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 15/12/2022 bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trong quá trình tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thanh toán khoản hỗ trợ tài chính do các bên đương sự xác lập. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”. Theo kết quả xác minh: Ông Lê Đình T1, sinh năm 1991 cư trú tại 25/10/1 Đường HT44, Tổ I, Khu phố K, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến nay.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 19/9/2019 đến ngày 21/01/2020 nguyên đơn có chuyển số tiền vào tài khoản 19032888841016 của bị đơn tại Ngân hàng thương mại cổ phần M – Chi nhánh N, Thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng 404.941.782 (bốn trăm lẻ bốn triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm tám mươi hai) đồng. Trong đó: Tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý 144.941.782 đồng; khoản hỗ trợ tài chính 260.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng và văn bản thỏa thuận bị đơn không thực hiện đầy đủ nội dung cam kết, nên nguyên đơn Thông báo chấm dứt các Hợp đồng và đòi lại khoản tiền hỗ trợ

tài chính. Bởi vì, từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020 bị đơn không thực hiện bất kỳ hoạt động nào như đã thỏa thuận với nguyên đơn. Do nguyên đơn giữ của bị đơn tiền Quỹ bảo đảm ban đầu 4.000.000 đồng. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại khoản hỗ trợ tài chính 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng. Đối với khoản tiền hoa hồng, tiền thưởng quản lý nguyên đơn không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phủ nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Tại điểm a tiểu mục 16.2 Điều 16 Chấm dứt hợp đồng quy định tại Điều kiện và điều khoản Hợp đồng Đại lý bảo hiểm: *“Đại lý bảo hiểm không đáp ứng được một hoặc các điều kiện duy trì hoạt động tư vấn Bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này, các bản phụ lục của Hợp đồng này và các quy định của Công ty tại từng thời điểm”*.

Theo khoản 1 mục IV Điều kiện duy trì Hợp đồng đại lý và Hợp đồng quản lý đại lý quy định tại Chính sách thăng tiến và duy trì Hợp đồng đại lý/ Hợp đồng Quản lý đại lý, thì một Đại lý bảo hiểm bất kỳ mà trong 03 (ba) tháng liên tục không bán được 01 (một) Hợp đồng bảo hiểm nào thì Công ty ra Quyết định chấm dứt hợp đồng đại lý.

Tại tiểu mục 3.2, 3.3 Khoản 3 Hoàn trả các khoản hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho Trưởng khu vực kinh doanh quy định tại Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho Trưởng khu vực kinh doanh (DM): *“Trưởng hợp DM chấm dứt/bị chấm dứt Hợp đồng Đại lý/ Hợp đồng Quản lý Đại lý với Công ty vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (mười tám) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận. DM đồng ý hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính này trước khi chấm dứt Hợp đồng Đại lý/ Hợp đồng Quản lý Đại lý với Công ty, việc hoàn trả được thực hiện theo yêu cầu và thông báo của Công ty”*.

Tại tiểu mục 13.4 Điều 13 Quỹ bảo đảm quy định tại Điều kiện và điều khoản của Hợp đồng Quản lý Đại lý Bảo hiểm: *“Quản lý Đại lý chấp thuận/đồng ý để Công ty thực hiện việc khấu trừ từ thu nhập của Quản lý Đại lý Bảo hiểm để lập Quỹ Bảo đảm và sử dụng Quỹ Bảo đảm theo quy định tại Điều này và Phụ lục 1B. Quản lý Đại lý Bảo hiểm cam kết sẽ không khiếu kiện hay tiến hành bất kỳ hành vi pháp lý nào đối với Công ty về việc khấu trừ và sử dụng khoản tiền này”*.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận:

Đối với khoản tiền hoa hồng, tiền thưởng quản lý nguyên đơn không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản hỗ trợ tài chính từ khi nguyên đơn chuyển tiền khoản hỗ trợ tài chính lần sau cùng (ngày 06/01/2020 đến khi bị chấm dứt Hợp đồng đại lý/Hợp đồng Quản lý đại lý (ngày 26/6/2020) là 05 tháng. Khoảng thời gian này nằm trong thời hạn 18 (mười tám) tháng mà bị đơn cam kết hoàn trả lại cho nguyên đơn. Như vậy, từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020 bị đơn đã không duy trì được Hợp đồng đại lý với nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn chấm dứt Hợp đồng đại lý và Hợp đồng quản lý đại lý với bị đơn là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên.

Mặt khác, bị đơn nhận khoản hỗ trợ tài chính lần sau cùng ngày 06/01/2020 đến ngày bị đơn bị chấm dứt hợp đồng là còn trong thời hạn 18 tháng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền sau khi trừ đi Quỹ bảo đảm ban đầu thì còn lại 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng là có cơ sở. Các tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra không bị bất kỳ đương sự nào phản đối, nên nguyên đơn không cần chứng minh gì thêm. Việc giao dịch dân sự giữa nguyên đơn – bị đơn thực hiện với nhau không liên quan đến bất kỳ người nào khác, nên không cần thiết triệu tập thêm đương sự. Xét, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và căn cứ pháp lý, nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch 256.000.000 đồng x 5% = 12.800.000 (mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022268 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 92, 96, 147, 227, 228, 233, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 385, 401, 403, 424, 427, 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Đình T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ A số tiền 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng.

Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Đình T1 phải chịu án phí sơ thẩm 12.800.000 (mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng cho Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ A theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022268 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự; thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Kim

